TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HN-ST
Ngày: 15 - 5 - 2018
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị M**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn U**
2. Ông **Phan Trọng N**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh Th** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh BI –** Kiểm sát viên**.**

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp*"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2018 và Thông báo dời phiên tòa số 04/2018/TB-TA ngày 03/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Minh T** - Sinh năm: 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Lý Qu, xã Phú Đ , huyện A, tỉnh B;

2. Bị đơn: **Phan Mỹ X** - Sinh năm: 1983 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Lý Qu, xã Phú Đ , huyện A, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Võ Minh T trình bày:**

Anh T và chị X cưới nhau năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh đi làm ở Thành phố J, chị X ở nhà nghi ngờ anh T có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với chị X .

Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Minh C , sinh ngày 18/10/2007; Võ Minh Tr , sinh ngày 08/4/2009; Võ Minh H , sinh ngày 15/12/2014. Hiện 03 con đang sống với chị X . Ly hôn, anh T giao 03 con chung cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/1con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* **Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Phan Mỹ X trình bày:**

Chị X và anh T kết hôn với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh Triều có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị X đồng ý ly hôn với anh T .

Về con chung: Có 03 con chung như anh T trình bày. Ly hôn, chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 2.000.000đ/01 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Minh T và chị Phan Mỹ X .

+ Về con chung: công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị X về việc giao ba con chung tên Võ Minh C , sinh ngày 18/10/2007; Võ Minh Trư , sinh ngày 08/4/2009; Võ Minh H , sinh ngày 15/12/2014 cho chị Phan Mỹ X tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con ba con chung mỗi tháng 1.500.000đồng/01con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Triều về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh T và chị X cưới nhau vào năm 2006. Đến ngày 23/7/2007 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của anh T và chị X là hợp pháp.

Anh T và chị X cùng trình bày thống nhất nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến giữa năm 2015 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm nên sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian ly thân đến nay đã lâu nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm với nhau. Nay anh T và chị X cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, việc thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: anh T và chị X cùng trình bày có 03 con chung tên Võ Minh C , sinh ngày 18/10/2007; Võ Minh Tr , sinh ngày 08/4/2009; Võ Minh H , sinh ngày 15/12/2014. Hiện 03 con đang sống với chị Xuân. Ly hôn, anh T và chị X thống nhất giao ba con chung cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung sau khi ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; phù hợp với nguyện vọng của cháu C và T là muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Nên được Hội đồng xét xử ghi nhận, giao ba con chung cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi ba con chung mỗi tháng 1.500.000đ/01con chung. Chị X yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/01con chung. Xét thấy, chị X không cung cấp được chứng cứ chứng minh về thu nhập của anh T , nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp theo yêu cầu của chị X được, mà cần ghi nhận sự tự nguyện của anh T về mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Triều và chị Xuân cùng trình bày không có tài sản chung và nợ chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- *Về án phí:* Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con, chị X không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân Sự.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Võ Minh T và chị Phan Mỹ X

2. Về nuôi con chung:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị X về việc giao ba con chung tên Võ Minh Cường, sinh ngày 18/10/2007; Võ Minh Tr , sinh ngày 08/4/2009; Võ Minh H , sinh ngày 15/12/2014 cho chị Phan Mỹ X tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con ba con chung mỗi tháng 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/01con chung. Thực hiện cấp dưỡng lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu C , cháu Tr , cháu H đủ 18 tuổi.

- Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí:

Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48689 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Anh T còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Chị X không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;

- Các đương sự;
- UBND xã Phú Đ ;
- Lưu: HS, AV

Phạm Thị M